

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 11 NĂM 2023
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ BUƠN MA THUỘT
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD ngày /11/2023 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

1. THÀNH PHỐ BUƠN MA THUỘT

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			300.000	
	Cát tô	m ³			325.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Nam Hải, xã Cư Ebur, TP BMT)	227.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		273.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		282.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		291.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		209.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		227.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		218.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty TNHH XD&D Hoàng Nam, mỏ đá D2 xã Hòa Phú, TP BMT)	204.545		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		231.818		
	Đá dăm 2x4	m ³		250.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		254.545		
	Đá 0,5 x 1	m ³		200.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		240.909		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		231.818		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty TNHH XD Hoàng Vũ, mỏ đá D2 xã Hòa Phú, TP BMT)	213.636		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		242.727		
	Đá dăm 2x4	m ³		263.636		
	Đá dăm 1x2	m ³		292.727		
	Đá 0,5 x 1	m ³		240.909		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		227.273		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		218.182		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty TNHH XD Nam Hải, mỏ đá thôn 8, xã Cư Êbur, TP BMT)	250.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		300.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		320.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		230.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		250.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		240.000		
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Cty CP đầu tư phát triển Nhật Quang, mỏ đá thôn 4, xã Cư Êbur, TP BMT)	190.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		200.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		220.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		250.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		190.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		210.000		

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		180.000		
	Đá hộc	m ³	(Mô đá Cty TNHH Thạch Anh, mỏ đá thôn 7, xã Hòa Phú, TP BMT)	250.000		Không qua côn vo
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		275.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		310.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		350.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		300.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		280.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		270.000		
	Đá hộc	m ³	(Mô đá Cty TNHH Thạch Anh, mỏ đá thôn 7, xã Hòa Phú, TP BMT)	380.000		Đã qua xử lý côn vo
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		415.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		430.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		435.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		405.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		405.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		400.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Gạch không nung Việt Tân/KCN Hòa Phú	1.250		
	Gạch không nung XMCL					
	Gạch thẻ đặc (50x80x180)mm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	1.100		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (14x19x39)cm	viên	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Vũ/KCN Hòa Phú	6.200		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		4.000		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.000		
	Gạch bê tông ly tâm					
	Kiểu Tây Ban Nha: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)		Cty Phát Thịnh			
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Hướng Dương: KT 25x25x5cm(16viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		155.000		
	- Màu vàng	m ²		161.000		
	Hoa văn Đồng Tiền: KT 30x30x5cm(11viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch bê tông tự chèn hoa văn lục giác: KT 21x21x5cm (26viên/m ²)					
	- Màu đỏ	m ²		140.000		
	- Màu vàng	m ²		150.000		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu đỏ	m ²	Sản phẩm của Công ty TNHH	135.000		Nhà máy Khối 12, phường Khánh Xuân, TP
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu vàng	m ²		145.000		
	Gạch Terrazzo 400x400x30mm màu xám	m ²		135.000		

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Gạch Terazzo 400x400x30mm hai màu đỏ, vàng	m ²	M1 V Đình Trung	155.000		BMT
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terazzo ngoại thất loại 1- KT 400x400x40mm mác 400	m2	Cty Cổ phần Hà Nam	150.000		
	Gạch Terazzo ngoại thất loại 1- KT 400x400x60mm mác 400	m2		200.000		
	Gạch bê tông tự chèn		Cty CP ĐTXD BK Green			
	Gạch tổ hợp (Gồm 04 viên góc và 01 viên hoa giữa)	m ²	Kích thước: Góc(250x250x60) mm; Hoa giữa (300x300x60)mm, M600		291.000	Địa chỉ sản xuất: 203 Lê Đại Hành, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Giá bán chưa bao gồm phí vận chuyển
	Gạch giả đá	m ²	Kích thước: (125x250x60)mm, M600		291.000	
	Gạch lục giác hoa văn	m ²	Kích thước: L(cạnh:155mm), M600		291.000	
	Gạch lục giác vân gia bưởi	m ²	Kích thước: L(cạnh: 93mm), M600		291.000	
	Gạch lục giác 3D	m ²	Kích thước: L(cạnh: 150mm), M400		273.000	
	Gạch bê tông tự chèn		Cty Cổ phần Hà Nam			
	Gạch bê tông tự chèn, Zic Zắc, ba lá, lục giác	m ²	TCVN 6476:1999		250.000	
5	NHÓM ĐÁ GRANIT					
	Đá Granit kích thước 60x30x3cm (màu xám trắng)	m ²	Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Đức Minh/Khu CN Phú Tài, phường Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định		400.000	Giá thông báo trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột
	Đá Granit kích thước 60x30x3cm (màu đen)	m ²			450.000	
	Đá Granit kích màu xám trắng vát cạnh (26x32cm)	m			1.100.000	
	Đá Granit kích màu xám trắng vát cạnh (26x20cm)	m			950.000	
	Đá Granit kích màu xám tạo rãnh một chiều (đá khuyết tật) - KT 60x30x3cm	m ²			500.000	
	Đá Granit kích màu đen tạo rãnh một chiều (đá khuyết tật) - KT 60x30x3cm	m ²			550.000	
	Thanh chắn bằng đá Granit KT 10x10cm, L=1,0m	m ²			200.000	
	Thanh chắn bằng đá Granit KT 10x10cm, L=0,5m	m ²			200.000	
5	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn kẽm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn lạnh AZ70 phủ AF - dày 0,30mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		92.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,35mm	m ²			105.455	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,40mm	m ²			119.091	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,45mm	m ²			132.727	
	Tôn lạnh AZ100 phủ AF - dày 0,50mm	m ²			146.364	
+	Tôn kẽm mạ màu cán sóng giả ngói Hoa Sen					
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,40mm	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		130.909	
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,45mm	m ²			145.455	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thành phố	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tôn sóng ngói AZ050-17/05 - dày 0,50mm	m ²			160.909	
	Tôn lạnh la phong					
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,20mm (Hoa Sen AZ070)	m ²	Cty CP tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Đắk Lắk		68.180	
	Tôn lạnh Kích thước khổ 1,1 - dày 0,22mm (Hoa Sen AZ070)	m ²			72.730	
6	NHÓM VẬT LIỆU NHỰA ĐƯỜNG					
	Nhựa đường 60/70 - Phuy	kg	Petrolimex/Đà Nẵng			Không nhận được thông tin báo cáo
	Nhựa đường đặc nóng 60/70 - Xá	kg				
	Nhựa đường lỏng MC70	kg				
	Nhựa đường nhũ tương CRS1	kg				
7	CARBONCOR ASPHALT					
	Carboncor Asphalt -CA 6.7	tấn	Cty CP Carbon Việt Nam		4.233.600	Trung tâm TP BMT
	Carboncor Asphalt -CA 9.5	tấn			4.233.600	
	Carboncor Asphalt -CA 19 (Bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn			3.434.400	
8	BÊ TÔNG Bê tông tươi (bê tông thương phẩm)				TP. BMT (Bán kính 10km)	
	Mark 100 đá 1 x 2cm	m ³	Cty TNHH XD Phú Xuân		1.160.000	
	Mark 150 đá 1 x 2cm	m ³			1.210.000	
	Mark 200 đá 1 x 2cm	m ³			1.280.000	
	Mark 250 đá 1 x 2cm	m ³			1.350.000	
	Mark 300 đá 1 x 2cm	m ³			1.420.000	
	Mark 350 đá 1 x 2cm	m ³			1.490.000	
	Mark 400 đá 1 x 2cm	m ³			1.560.000	
9	BÊ TÔNG ĐÚC SẴN					
	Bó via bê tông đúc sẵn (KT 1000x300x125)mm	md	Cty CP ĐTXD BK Green		245.000	
10	TẤM GHI BỐ BÓN CÂY					
	Tấm ghi bố bón cây. Kích thước (D500x1000x1000x50)mm, M400	chiếc	Cty CP ĐTXD BK Green		1.364.000	
11	SONG CHẴN RÁC					
	Song chẵn rác. Kích thước (900x300x80)mm, C250	chiếc	Cty CP ĐTXD BK Green		482.000	
	Song chẵn rác. Kích thước (700x250x70)mm, C250	chiếc	Cty CP ĐTXD BK Green		368.000	

2. THỊ XÃ BUÔN HỒ

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm thị xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MẮNG					
	Xi măng PCB40	Tấn			2.200.000	
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			360.000	
	Cát tô	m ³			380.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	Hiện tại thị xã Buôn Hồ không có mỏ đá đang hoạt động			
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³				
	Đá dăm 2x4	m ³				
	Đá dăm 1x2	m ³				
	Đá 0,5x1	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					Trên địa bàn thị xã
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	Viên			850	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	Viên			1.100	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	Viên			1.500	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	Viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	Viên				
5	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH LÁT					
	Gạch lát ceramic 600x600	m ²		0	130.000	
6	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI			0		
	<i>Thép hình</i>			0		
	<i>Thép cuộn</i>					
	Ø6 CB240-T	Kg	Cửa hàng Hoàng Sa Buôn Hồ		16.800	
	Ø8 CB240-T	Kg			16.800	
	<i>Thép thanh vằn</i>	Tấn				
	Ø10 CB300	Kg			14.600	
	Ø20 CB300	Kg			15.900	
7	TẦM TRẦN, TẦM LỌP					
	Tôn sóng vuông mạ màu dày 0,5mm	m ²	Cửa hàng tập đoàn Hoa Sen		126.500	
	Tôn lạnh độ dày thành phẩm 0,4 mm	m ²			108.900	

Ghi chú: Giá bán tại khu vực trung tâm thị xã là giá đến hiện trường xây lắp áp dụng cho các phường trung tâm như: Phường An Bình, Phường An Lạc, phường Thiện An, Đoàn Kết, Phường Đạt Hiếu; các xã phường còn lại giá vật liệu được tính chi phí vận chuyển đến hiện trường xây lắp công trình.

3. HUYỆN CU' M'GAR

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán khu vực trung tâm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			350.000	
	Cát tô	m ³			360.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			207.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		216.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		234.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		300.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		267.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		252.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		225.000		
	Đá hộc			225.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		234.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		252.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		320.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		294.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		252.000		
	Đá hộc			0		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		0		
	Đá dăm 2x4	m ³		0		
	Đá dăm 1x2	m ³		0		
	Đá 0,5 x 1	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		0		
	Đá hộc			0		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		0		
	Đá dăm 2x4	m ³		0		
	Đá dăm 1x2	m ³		0		
	Đá 0,5 x 1	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		0		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI			0		
	<i>Gạch tuynel</i>			0		
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		0	800	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		0	800	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		0	1.100	
5	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			125.000	
	Tôn lạnh	m			75.000	

Ghi chú: Giá bán tại khu vực trung tâm thị trấn Quảng Phú, Quảng Tiến, Ea Pôk, Cư Suê; các xã phường còn lại giá vật liệu được tính chi phí vận chuyển đến hiện trường xây lắp công trình.

4. HUYỆN KRÔNG BÚK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			360.000	
	Cát tô	m ³			380.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc					Hiện nay Mô đá Phục Hưng, thôn độc lập, xã Chư Kô đã tạm ngừng sản xuất
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³				
	Đá dăm 2x4	m ³				
	Đá dăm 1x2	m ³				
	Đá 0,5 x 1	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY, ỐP LÁT CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			1.500	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			1.800	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			2.400	
	<i>Gạch ốp lát các loại</i>					
	Gạch granit KT 60x60	m ²	Viglacera		190.000	
	Gạch ceramic KT 30x30	m ²	Viglacera		135.000	
	Gạch ceramic KT 40x40	m ²	Primer	0	85.000	
	Gạch ceramic KT 50x50	m ²	Viglacera	0	105.000	
	Gạch ceramic KT 60x60	m ²	Satino	0	125.000	
	Gạch ceramic KT 30x60	m ²	CMC	0	130.000	
	Gạch ceramic KT 30x45	m ²	Primer	0	110.000	
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m			80.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			90.000	

5. HUYỆN KRÔNG BÔNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ Giang	200.000		
	Cát tô	m ³	Son/Cty Hưng Vũ	220.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc					
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³				
	Đá dăm 2x4	m ³				
	Đá dăm 1x2	m ³				
	Đá 0,5 x 1	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>			0		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		0		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		0		
5	NHÓM SẢN PHẨM THÉP CÁC LOẠI			0		
+	<i>Thép hình</i>			0		
	Thép hình(U, V, I)	kg		0	21.800	
	Thép hình(sắt hộp, ống vuông mạ kẽm)	kg		0	27.200	
+	<i>Thép cuộn</i>			0		
	Ø6 CB240-T	kg		0	17.300	
	Ø8 CB240-T	kg		0	17.300	
	Ø10 - 20 CB240T	kg		0		
+	<i>Thép thanh vằn</i>			0		
	Ø10 Gr40-V	kg			17.300	
	Ø16 Gr40-V	kg			17.300	
	Ø12 - Ø20 CB300-V	kg			17.500	
6	TÀM TRẦN, TÀM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			125.000	
	Tôn lạnh	m			72.000	

6. HUYỆN LẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH Phú Bình (Ea Rbin)	250.000		
		m ³	Cty TNHH Xuân Bình (Nam Kar)	250.000		
		m ³	DNTN VLXD Sông Núi (Buôn Mliêng)	255.000		
	Cát tô	m ³	Cty TNHH Phú Bình (Ea Rbin)	275.000		
		m ³	Cty TNHH Xuân Bình (Nam Kar)	275.000		
		m ³	DNTN VLXD Sông Núi (Buôn Mliêng)	275.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	(Mỏ đá Buôn H'lâm, xã Đăk Nuê, huyện Lắk của Công ty CP Hồ Tài Nguyên)	200.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		254.545		
	Đá dăm 2x4	m ³		272.727		
	Đá dăm 1x2 (Sàng 25)	m ³		290.909		
	Đá dăm 1x2 (Sàng 19)	m ³		290.909		
	Đá 0,5 x 1	m ³		190.909		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		254.545		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		236.364		
	Đá hộc		(Mỏ đá xã Đăk Phơi, huyện Lắk của Công ty TNHH XD và TM Sài Gòn)	215.000		Không qua côn vo
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		270.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		295.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		336.364		
	Đá 0,5 x 1	m ³		245.455		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		295.455		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		281.818		
	Đá hộc		(Mỏ đá xã Đăk Phơi, huyện Lắk của Công ty TNHH XD và TM Sài Gòn)	259.091		Đã qua xử lý côn vo
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		309.091		
	Đá dăm 2x4	m ³		331.818		
	Đá dăm 1x2	m ³		400.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		309.091		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		359.091		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		345.455		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI			0		Không có đơn vị cung ứng
	<i>Gạch tunnel</i>			0		
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		0		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên				
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m2	Cty TNHH TM		110.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m2			120.000	

	Tôn sóng vuông 0,45mm	m2	Tôn Đại Lộc + VLXD Hoàng Thịnh		135.000	
	Tôn sóng ngói 0,4mm	m2			135.000	
	Tôn sóng ngói 0,45mm	m2			145.000	
	Tôn lạnh	m2			89.000	

7. HUYỆN BUÔN ĐƠN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			204.545		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		221.590		
	Đá dăm 2x4	m ³		255.681		
	Đá dăm 1x2	m ³		278.409		
	Đá 0,5 x 1	m ³		187.500		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		216.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		205.000		
	Bột đá	m ³		176136		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tunnel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		0		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>			0		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		0		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		0		
5	TẦM TRẦN, TẦM LỘP					
	Tôn lạnh AZ100 0,30mm	m			79.500	
	Tôn lạnh AZ100 0,35mm	m			87.500	
	Tôn lạnh AZ100 0,40mm	m			97.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,45mm	m			106.000	
	Tôn lạnh AZ100 0,50mm	m			115.000	

Không nhận
thông tin được
báo cáo

8. HUYỆN KRÔNG PẮC

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB40	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³			340.000	
	Cát tô	m ³			350.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			300.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		309.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Mô đá Cty Bình Hoà/Thôn 7, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc)	336.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		355.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		318.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		300.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		282.000		
	Đá hộc			250.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		300.000		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Mô đá Cty TNHH Hùng Anh/xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc)	318.182		
	Đá dăm 1x2	m ³		363.636		
	Đá 0,5 x 1	m ³		277.273		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		300.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		281.818		
	Đá hộc			254.545		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		336.364		
	Đá dăm 2x4	m ³	(Mô đá Cty TNHH Ngọc Vy/xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc)	345.455		
	Đá dăm 1x2	m ³		363.636		
	Đá 0,5 x 1	m ³		277.273		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		300.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		281.818		
	Đá hộc				300.000	Trung tâm thị trấn Phước An
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³			330.000	
	Đá dăm 2x4	m ³			350.000	
	Đá dăm 1x2	m ³			420.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³			310.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³			340.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³			310.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên			900	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên			1.000	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên			1.450	
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên	Cty TNHH Trường Sa, thị trấn Phước An		950	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên			1.300	
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên			4.500	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên			7.000	
5	TÀM TRẦN, TÀM LỘP					
	+ Tôn kèm mạ màu cán sóng vuông					
	Tôn sóng vuông 0,30mm	m ²	Cty TNHH		86.000	
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m ²			96.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²			114.000	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m ²			129.000	

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tôn sóng vuông 0,50mm	m ²	Trường Sa, thị trấn Phước An		145.000	
	+ Tôn kèm mạ màu cán sóng vuông giả ngói					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²			145.500	
	Tôn sóng vuông 0,455mm	m ²			155.000	

9. HUYỆN EA H'LEO

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Sông Hinh/AyunPa, Gia Lai		310.000	
	Cát tô	m ³			390.000	
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			255.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		270.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		285.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		330.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		310.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		310.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		295.000		
	Đá hộc			325.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		340.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		355.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		400.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		380.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		380.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		365.000		
	Đá hộc			270.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		270.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		0		
	Đá dăm 1x2	m ³		0		
	Đá 0,5 x 1	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		0		
	Đá hộc			0		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		0		
	Đá dăm 2x4	m ³		0		
	Đá dăm 1x2	m ³		0		
	Đá 0,5 x 1	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		0		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		0		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI			0		
	Gạch không nung			0		
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		1.200		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.600		
	Gạch ống (80x120x180)mm	viên		1.800		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		5.500		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		7.500		
	Gạch Terrazzo					
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu tím	m ²		115.000		
	Gạch Terrazzo 300x300x30 màu đỏ	m ²		125.000		
5	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					
	Tôn sóng vuông	m				
	Tôn lạnh	m				

10. HUYỆN CƯ KUIN

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng SCG super PCB40 (Sông Gianh)	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Giang Sơn	250.000		
	Cát tô	m ³	(Km 24/QL 27)	260.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			240.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		280.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		305.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		320.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³	(Mỏ đá Công ty Tuấn Nhân)	280.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		230.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		210.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				Không có
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Cụm CN Cư Kuin	1.350		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên				Không có
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên	Cty Trung Tuấn	9.000		
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP			0		
	Tôn sóng vuông 0,25mm	m	Trung tâm huyện	0	80.000	
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m	Trung tâm huyện	0	115.000	
	Tôn lạnh 0,25mm	m	Trung tâm huyện		80.000	
	Tôn lạnh 0,35mm	m	Trung tâm huyện		110.000	
10	ĐẤT LÂM VẬT LIỆU ĐÁP					
	Đất đắp (Đã bao gồm chi phí đào và đổ lên xe)	m ³	Cty TNHH Minh Sáng/Mỏ đá Ea Bhôk, Cư Kuin	50.000		

11. HUYỆN KRÔNG NĂNG

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất/cung ứng	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³				
	Cát tô	m ³				
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc					Hiện nay mỏ đá đã khai thác hết công suất theo giấy phép
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³				
	Đá dăm 2x4	m ³				
	Đá dăm 1x2	m ³				
	Đá 0,5 x 1	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³				
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³				
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		1.700		VLXD Phú Quý, thị trấn Krông Năng
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.700		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		2.200		
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		1.700		VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		1.700		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		2.200		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		0		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.636		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>			0		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		0		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		0		
5	THIẾT BỊ VỆ SINH					
5.1	Thị trấn Krông Năng					
	Chậu rửa mặt (Viglacera)	Bộ			1.300.000	VLXD Phú Quý, thị trấn Krông Năng
	Tiểu Nam (mini)	Bộ			450.000	
	Tiểu Nam (lớn)	Bộ			800.000	
	Xí xôm	Cái			250.000	
	Xí bệt liền khối (Viglacera)	Bộ			2.000.000	
	Xí bệt liền khối (Đocera)	Bộ			1.200.000	
5.2	Xã Ea Hồ					
	Xí xôm	Cái			750.000	VLXD Nam Nguyên, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng
	Xí bệt liền khối SUMMER 5008	Bộ			2.300.000	
	Xí bệt liền khối AQUA 312 VN	Bộ			2.200.000	
	Xí bệt liền khối POLORA 2094	Bộ			2.500.000	
	Xí bệt 2 khối VI77 (Viglacera)	Bộ			2.000.000	
	Xí bệt liền khối (Viglacera V73S)	Bộ			3.000.000	
8	TÁM TRẦN, TÁM LỘP					
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m ²			110.000	VLXD Phú Quý, thị trấn Krông Năng
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m ²			100.000	
	Tôn lạnh	m ²			85.000	

12. HUYỆN M'DRẮK

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Nam Khánh	320.000		
	Cát tô	m ³	Dương (Ea Kar)	350.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			300.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	Cty TNHH đầu tư thương mại Dương Lâm Phát (Mô đá thôn 10, xã Ea M'Doal, huyện M'Drắk)	330.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		340.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		350.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		270.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		320.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		280.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch tuynel			0		
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	CTY VLXD 20	909		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		909		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		1.364		
	Gạch không nung			0		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên	Công ty TNHH TM SX Đại An Trung	1.227		
	Gạch ống 02 lỗ (40x80x180)mm	viên		909		
				0		
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		5.455		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		9.091		
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m			100.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m			110.000	
	Tôn lạnh	m			85.000	

13. HUYỆN KRÔNG ANA

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Mỏ cát Quỳnh	260.000		
	Cát tô	m ³	Ngọc, xã Ea Na	270.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc				240.000	
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³			244.000	
	Đá dăm 2x4	m ³			265.000	
	Đá dăm 1x2	m ³			277.000	
	Đá 0,5 x 1	m ³			240.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³			250.000	
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³			240.000	
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	<i>Gạch tuynel</i>					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên		450		
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên		480		
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên		850		
	<i>Gạch không nung</i>					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		0		
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		0		
	<i>Gạch block bê tông rỗng</i>			0		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		0		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		0		
5	TẤM TRẦN, TẤM LỢP					
	Tôn sóng vuông 0,35mm	m2			95.000	
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m2			111.818	
	Tôn sóng vuông 0,45mm	m2			125.455	
	Tôn lạnh 0,22mm	m2			76.364	
	Tôn lạnh 0,25mm	m2			83.636	

14. HUYỆN EA SÚP

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán trên địa bàn huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
	Ximăng PCB30	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Khu vực mỏ cát Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, huyện Krông Ana	260.000		
	Cát tô	m ³		270.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc			209.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³	Giá thông báo tại mỏ đá Công ty Thuận An. Địa chỉ: Thôn 2, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	236.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		245.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		255.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		223.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		245.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		236.000		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					Không nhận được thông tin báo cáo
	Gạch tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên				
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên				
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên				
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên				
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên				
	Gạch block bê tông rỗng			0		
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		0		
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		0		
5	TẤM TRẦN, TẤM LỘP					Không nhận được thông tin báo cáo
	Tôn sóng vuông 0,4mm	m				
	Tôn lạnh	m				

15. HUYỆN EA KAR

S TT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá tại khu vực (chưa VAT)		Ghi chú
				Giá tại cơ sở sản xuất	Giá bán tại trung tâm huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	NHÓM XI MĂNG					
	Ximăng PCB40	tấn				
2	NHÓM VẬT LIỆU CÁT					
	Cát xây	m ³	Cty TNHH khai thác cát Đoàn Kết, xã Ea Ô	270.000		
	Cát tô	m ³		300.000		
3	NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG					
	Đá hộc	m ³	Mỏ đá 52, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar	360.000		
	Đá 4x6(SX máy)	m ³		380.000		
	Đá 2x4	m ³		390.000		
	Đá 1x2	m ³		410.000		
	Đá 0,5x1	m ³		380.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25	m ³		370.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5	m ³		365.000		
	Đá hộc		Mỏ đá Đức Tân Phong, xã Ea Păl, huyện Ea Kar	320.000		
	Đá dăm 4x6 (SX máy)	m ³		330.000		
	Đá dăm 2x4	m ³		350.000		
	Đá dăm 1x2	m ³		360.000		
	Đá 0,5 x 1	m ³		320.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 25mm	m ³		330.000		
	Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm	m ³		0		
4	NHÓM VẬT LIỆU GẠCH XÂY CÁC LOẠI					
	Gạch tuynel					
	Gạch thẻ: 50x80x180mm	viên	Cty Trường Phước	1.000	1.200	
	Gạch ống 4 lỗ: 80x80x180mm	viên	Cty Đức Tân	900	1.100	
	Gạch ống 6 lỗ: 80x120x180mm	viên	Cty Đức Tân	1.300	1.500	
	Gạch không nung					
	Gạch thẻ (40x80x180)mm	viên		900	1.000	
	Gạch ống (80x80x180)mm	viên		1.400	1.600	
	Gạch block bê tông rỗng					
	Gạch bê tông rỗng (9x19x39)cm	viên		5.000	7.000	
	Gạch bê tông rỗng (19x19x39)cm	viên		10.000	13.000	